

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SJC

Báo cáo tài chính
cho kỳ kế toán từ 01/01/2012 đến 30/06/2012
đã được soát xét

MỤC LỤC

NỘI DUNG

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Bảng cân đối kế toán

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán SJC (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán từ 01/01/2012 đến 30/06/ 2012.

Khái quát

Công ty Cổ phần Chứng khoán SJC là công ty cổ phần được thành lập theo giấy phép số 97/UBCK-GP ngày 04 tháng 09 năm 2008 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Trong quá trình hoạt động Công ty đã nhận được các quyết định bổ sung sau

- Quyết định số 29/UBCK-GCN ngày 04 tháng 09 năm 2008 của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán nhà nước về việc lưu ký chứng khoán cho tổ chức, cá nhân trong nước, nước ngoài và được tham gia về hoạt động lưu ký, thanh toán bù trừ và đăng ký chứng khoán tại trung tâm lưu ký chứng khoán
- Giấy chứng nhận số 98/GCNTVLK ngày 25 tháng 09 năm 2008 của Giám đốc trung tâm lưu ký chứng khoán về việc chứng nhận Công ty là thành viên lưu ký chứng khoán.
- Quyết định số 1047/QĐ-UBCK ngày 14 tháng 12 năm 2010 của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc chấp thuận lập chi nhánh công ty chứng khoán.
- Quyết định số 955/QĐ-UBCK ngày 13 tháng 12 năm 2011 của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc chấp thuận đóng cửa Chi nhánh công ty chứng khoán.

Hoạt động chính của Công ty là: môi giới chứng khoán và đầu tư chứng khoán.

Trụ sở chính của Công ty tại Lầu 6, 18A Đinh Tiên Hoàng, P.Đakao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Các sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán lập báo cáo tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Hội đồng quản trị

Bà Huỳnh Thị Bích Ngân	Chủ tịch
Ông Huỳnh Anh Tuấn	Thành viên
Ông Phạm Quang Anh	Thành viên
Bà Nguyễn Hồng Trang	Thành viên
Bà Nguyễn Kim Cúc	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Huỳnh Anh Tuấn	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Hồng Trang	Phó Tổng Giám đốc

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban kiểm soát

Ông Lý Thanh Tùng

Trưởng ban

Ông Lê Xuân Vinh

Thành viên

Bà Hồ Lệ Hoài Mai

Thành viên

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã thực hiện soát xét Báo cáo tài chính từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 cho Công ty.

Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Huỳnh Anh Tuấn
Tổng Giám đốc

Tp.HCM, ngày 30 tháng 08 năm 2012



Số : 278/BCSX/TC

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT
Về Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ 01/01/2012 đến 30/06/2012
của Công ty Cổ phần Chứng khoán SJC

Kính gửi:

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Chứng khoán SJC

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2012 của Công ty Cổ phần Chứng khoán SJC, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 kết thúc cùng ngày và bản thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo được trình bày từ trang 5 đến trang 24. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Như thuyết minh tại mục V.3 trang 16 phần thuyết minh báo cáo tài chính. Công ty đang sở hữu 100.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Kinh doanh và Đầu tư vàng Việt Nam có trị giá ghi sổ là 1.000.000.000 đồng (Cổ phiếu chưa niêm yết). Tại ngày 30/06/2012 Công ty không trích lập dự phòng giảm giá với cổ phiếu này do không có cơ sở xác định giá trị thị trường.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu trên, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán SJC tại ngày 30/06/2012, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 kết thúc cùng ngày phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN)

Phó Giám đốc



Nguyễn Minh Tiến

Chứng chỉ KTV số: 0547/KTV

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 08 năm 2012

Kiểm toán viên

Lê Hồng Đào

Chứng chỉ KTV số: 1732/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2012	01/01/2012
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		51.437.052.768	84.986.154.114
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	8.921.770.051	5.838.964.894
1. Tiền	111		8.921.770.051	5.838.964.894
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn			1.000.000.000	1.000.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.3	1.000.000.000	1.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	V11	40.198.179.197	76.925.069.777
1. Phải thu khách hàng	131		214.099.232	935.426.763
2. Trả trước cho người bán	132	V.4	7.069.680.000	6.894.080.000
3. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	135	V.5	37.209.018.407	37.230.666.882
4. Các khoản phải thu khác	138		31.660.082	33.992.311.853
5. Dự phòng nợ phải thu khó đòi	139		(4.326.278.524)	(2.127.415.721)
IV. Hàng tồn kho	140		-	-
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.317.103.520	1.222.119.443
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		284.628.876	209.597.885
2. Thuế và các khoản phải thu nhà nước	154		84.829.840	84.829.840
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		947.644.804	927.691.718
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		5.136.308.358	6.003.968.293
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
I. Tài sản cố định	220		3.413.272.128	4.349.318.522
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	1.283.260.266	1.801.962.812
- Nguyên giá	222		9.101.107.780	9.151.707.780
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(7.817.847.514)	(7.349.744.968)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.7	2.130.011.862	2.547.355.710
- Nguyên giá	228		4.173.438.500	4.173.438.500
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.043.426.638)	(1.626.082.790)
II. Bất động sản đầu tư	240		-	-
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
II. Tài sản dài hạn khác	260		1.723.036.230	1.654.649.771
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8	136.506.929	173.039.682
2. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	263	V.9	1.586.529.301	1.481.610.089
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		56.573.361.126	90.990.122.407

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2012	01/01/2012
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		11.858.819.074	42.806.662.540
I. Nợ ngắn hạn	310		11.858.819.074	42.806.662.540
1. Phải trả người bán	312		73.877.576	72.348.576
2. Người mua trả tiền trước	313		184.012.919	150.025.546
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.10	136.050.889	823.236.260
4. Phải trả người lao động	315		278.040.262	155.000.000
5. Chi phí phải trả	316	V.12	343.521.000	226.860.000
6. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.13	10.592.325.950	41.300.907.990
7. Phải trả hoạt động chứng khoán	320		101.260.993	51.681.655
8. Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	321		424.943.080	301.816.108
9. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		(275.213.595)	(275.213.595)
II. Nợ dài hạn	330		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		44.714.542.052	48.183.459.867
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.14	44.714.542.052	48.183.459.867
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		53.000.000.000	53.000.000.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(8.285.457.948)	(4.816.540.133)
II. Nguồn kinh phí	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		56.573.361.126	90.990.122.407

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/06/2012	01/01/2012
6. Chứng khoán lưu ký	006		187.534.507.000	452.773.210.000
Trong đó:				
6.1. Chứng khoán giao dịch	007		113.782.967.000	297.895.490.000
6.1.1. Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	008		-	-
6.1.2. Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	009		113.782.967.000	297.895.490.000
6.2 Chứng khoán ngừng giao dịch	012		30.336.000	30.336.000
6.2.1. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của thành viên lưu ký	013		-	-
6.2.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	014		30.336.000	63.110.000
6.2.3. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng nước ngoài	015		-	-
6.3 Chứng khoán cầm cố	017		7.041.220.000	94.048.000.000
6.3.2. Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước	019		7.041.220.000	94.048.000.000
6.5 Chứng khoán chờ thanh toán	027		66.459.516.000	29.441.630.000
6.5.2. Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	029		66.459.516.000	29.441.630.000
6.7 Chứng khoán chờ giao dịch	037		220.468.000	31.324.980.000
6.7.2. Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước	039		220.468.000	31.324.980.000

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Phạm Thị Hiền

Trần Khánh Dư

Huỳnh Anh Tuấn

Tp.HCM, ngày 30 tháng 08 năm 2012

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
1	2	3	4	5
1. Doanh thu	01		4.399.846.106	6.004.651.604
Trong đó:				
- Doanh thu môi giới chứng khoán	01.1		3.064.514.148	2.285.419.805
- Doanh thu hoạt động tư vấn	01.5		1.113.445.199	3.597.232.822
- Doanh thu khác	01.9		221.886.759	121.998.977
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (10=01-02)	10		4.399.846.106	6.004.651.604
4. Chi phí hoạt động kinh doanh	11	VI.1	2.150.013.181	2.172.969.515
5. Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh	20		2.249.832.925	3.831.682.089
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.2	6.202.789.574	5.822.548.904
7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(3.952.956.649)	(1.990.866.815)
8. Thu nhập khác	31		640.385.270	313.187.418
9. Chi phí khác	32		156.346.436	78.995.013
10. Lợi nhuận khác	40		484.038.834	234.192.405
11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(3.468.917.815)	(1.756.674.410)
12. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.3		
13. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			
14. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		(3.468.917.815)	(1.756.674.410)
15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.4	(655)	(331)

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Phạm Thị Hiền

Trần Khánh Dư

Huỳnh Anh Tuấn

Tp.HCM, ngày 30 tháng 08 năm 2012

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

Đơn vị tính: VND

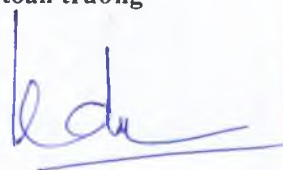
Chỉ tiêu	Mã số	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(3.468.917.815)	(1.756.674.410)
2. Điều chỉnh cho các khoản		2.934.244.921	1.778.523.000
- Khấu hao tài sản cố định	02	893.879.730	1.778.523.000
- Các khoản dự phòng	03	2.198.862.803	-
- Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(158.497.612)	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(534.672.894)	21.848.590
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	34.403.155.479	86.170.988.532
- Tăng giảm hàng tồn kho	10	-	2.121.000
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(30.920.676.802)	(86.613.094.221)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(38.498.238)	(130.583.339)
- Tiền lãi vay đã trả	13	-	(1.194.444)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	-	(144.334.761)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	8.081.045.546
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	(8.633.648.592)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	2.909.307.545	(1.246.851.689)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi mua, xây dựng tài sản cố định	21	-	(21.140.680)
2. Tiền thu thanh lý tài sản cố định	22	15.000.000	-
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ đơn vị khác	23	-	(91.990.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán công cụ nợ đơn vị khác	24	-	91.990.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức lợi nhuận được chia	27	158.497.612	177.770.650
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	173.497.612	156.629.970
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	-	2.000.000.000
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	-	(2.000.000.000)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(1.210.566.125)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	(1.210.566.125)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	3.082.805.157	(2.300.787.844)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5.838.964.894	9.763.051.642
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	8.921.770.051	7.462.263.798

Người lập biểu

Kế toán trưởng



Phạm Thị Hiền



Trần Khánh Dư

Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SJC
QUẬN 1 TP. HỒ CHÍ MINH

Huỳnh Anh Tuấn

Tp.HCM, ngày 30 tháng 08 năm 2012

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SJC
Lầu 6, 18A Đinh Tiên Hoàng, P. Đakao, Q.1, Tp.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU
Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Số dư đầu kỳ		Số tăng/giảm				Số dư cuối kỳ	
	Kỳ trước 01/01/2011	Kỳ này 01/01/2012	Kỳ trước		Kỳ này		Kỳ trước 30/06/2011	Kỳ này 30/06/2012
			Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	53.000.000.000	53.000.000.000	-	-	-	-	53.000.000.000	53.000.000.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (a)	2.110.554.392	(4.816.540.133)	-	3.081.674.410	-	3.468.917.815	(971.120.018)	(8.285.457.948)
Cộng	55.110.554.392	48.183.459.867	-	3.081.674.410	-	3.468.917.815	52.028.879.982	44.714.542.052

Nguyên nhân tăng giảm

- (a) Lợi nhuận chưa phân phối
- Giảm trong kỳ trước : 3.081.674.410 đồng
Trong đó: + Chia cổ tức : 1.325.000.000 đồng
+ Lỗ trong kỳ trước: 1.756.674.410 đồng
 - Giảm trong kỳ này do kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ này lỗ

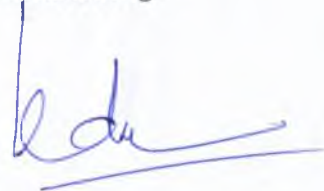
Người lập biểu



Phạm Thị Hiền

Tp.HCM, ngày 30 tháng 08 năm 2012

Kế toán trưởng



Trần Khánh Dư

Tổng Giám đốc



Huỳnh Anh Tuấn

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chứng khoán SIC là công ty cổ phần được thành lập theo giấy phép số 97/UBCK-GP ngày 04 tháng 09 năm 2008 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Trong quá trình hoạt động Công ty đã nhận được các quyết định bổ sung sau

- Quyết định số 29/UBCK-GCN ngày 04 tháng 09 năm 2008 của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán nhà nước về việc lưu ký chứng khoán cho tổ chức, cá nhân trong nước, nước ngoài và được tham gia về hoạt động lưu ký, thanh toán bù trừ và đăng ký chứng khoán tại trung tâm lưu ký chứng khoán

- Giấy chứng nhận số 98/GCNTVLK ngày 25 tháng 09 năm 2008 của Giám đốc trung tâm lưu ký chứng khoán về việc chứng nhận Công ty là thành viên lưu ký chứng khoán.

- Quyết định số 1047/QĐ-UBCK ngày 14 tháng 12 năm 2010 của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc chấp thuận lập chi nhánh công ty chứng khoán.

Quyết định số 955/QĐ-UBCK ngày 13 tháng 12 năm 2011 của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc chấp thuận đóng cửa Chi nhánh công ty chứng khoán.

Trụ sở chính của Công ty tại Lầu 6, 18A Đinh Tiên Hoàng, P.Đakao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: dịch vụ

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty cung cấp các dịch vụ môi giới chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Tài chính, thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24/10/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và thông tư 162/2010/TT-BTC hướng dẫn bổ sung, sửa đổi thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24/10/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức: Kế toán trên máy tính

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch. Tại thời điểm cuối kỳ các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối kỳ được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong kỳ tài chính.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

2. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên tắc nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do xây dựng hoặc sản xuất bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 năm
- Máy móc thiết bị	03 năm
- Phương tiện vận tải	03-06 năm
- Thiết bị quản lý	01-05 năm
- Phần mềm kế toán	03 năm

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn;

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Giá trị hợp lý của các chứng khoán niêm yết được xác định trên cơ sở giá giao dịch trên thị trường chứng khoán. Đối với các chứng khoán chưa niêm yết thì giá trị hợp lý được xác định trên cơ sở giá giao dịch bình quân trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UpCoM) đối với các công ty đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết, hoặc giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi ba công ty chứng khoán tại thời điểm 30/06/2012 đối với các công ty chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng. Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn được đánh giá giá trị hợp lý theo giá trị ghi sổ

4. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính

5. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

6. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

7. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

8. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

9. Báo cáo bộ phận

Báo cáo theo bộ phận bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hoặc một bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

10. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn, các khoản phải thu khác và các khoản đầu tư.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác và các khoản vay.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận;
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm

11. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền

	30/06/2012 VND	01/01/2012 VND
Tiền mặt	9.254.794	11.193.492
Tiền gửi ngân hàng	8.305.849.331	4.971.913.630
Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán	606.665.926	855.857.772
Cộng	8.921.770.051	5.838.964.894

2. Giá trị giao dịch được thực hiện trong năm

	Khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ	Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ
a) Cửa công ty chứng khoán	-	-
b) Cửa nhà đầu tư		
- Cổ phiếu	158.763.173	1.821.210.474.000
- Trái phiếu	-	-
- Chứng khoán khác	-	-
Cộng	158.763.173	1.821.210.474.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

3. Tình hình đầu tư tài chính

	Số lượng Cổ phiếu	Giá trị sổ sách VND	Giá trị trường VND	Tổng giá trị theo giá thị trường VND
1. Chứng khoán thương mại				
- Công ty CP Kinh doanh và đầu tư vàng Việt Nam	100.000	10.000	-	1.000.000.000
Cộng				1.000.000.000

(*) Giá trị thị trường của chứng khoán không xác định được, giá trị thị trường được trình bày theo giá trị ghi sổ kế toán do không có đủ thông tin để xác định giá trị hợp lý.

4. Trả trước người bán

	30/06/2012 VND	01/01/2012 VND
Cty TNHH MTV Giải Pháp Công Nghệ Phúc Khang	5.469.680.000	5.294.000.000
Hồ Đức Toàn	1.600.000.000	1.600.000.000
Cty Dịch vụ Viễn thông Sài Gòn	-	80.000
Cộng	7.069.680.000	6.894.080.000

5. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán

	30/06/2012 VND	01/01/2012 VND
Phải thu khách hàng mua	11.254.701.072	10.034.556.725
Phải thu khách hàng bán	135.327.758	16.111.290
Phải thu ứng trước tiền bán chứng khoán cho nhà đầu tư	7.133.473.307	2.376.389.667
Phải thu hợp đồng tự vấn đầu tư chứng khoán	15.908.578.948	24.803.609.200
Phải thu hoạt động cầm cố của nhà đầu tư tại Ngân hàng Liên Việt	2.776.937.322	-
Cộng	37.209.018.407	37.230.666.882

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	544.598.392	6.472.481.305	1.414.162.546	720.465.537	9.151.707.780
Số tăng trong kỳ	-	-	-	-	-
Số giảm trong kỳ	-	-	-	50.600.000	50.600.000
Số dư cuối năm	544.598.392	6.472.481.305	1.414.162.546	669.865.537	9.101.107.780
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	302.554.675	6.033.314.523	811.044.380	202.831.390	7.349.744.968
Số tăng trong kỳ	45.383.202	221.221.536	114.248.742	95.682.402	476.535.882
Số giảm trong kỳ	-	-	-	8.433.336	8.433.336
Số dư cuối kỳ	347.937.877	6.254.536.059	925.293.122	290.080.456	7.817.847.514
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	242.043.717	439.166.782	603.118.166	517.634.147	1.801.962.812
Tại ngày cuối kỳ	196.660.515	217.945.246	488.869.424	379.785.081	1.283.260.266

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

7. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

Phần mềm
máy tính

Nguyên giá	
Số dư đầu năm	4.173.438.500
Số tăng trong kỳ	-
Số giảm trong kỳ	-
Số dư cuối kỳ	4.173.438.500
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	1.626.082.790
Số tăng trong kỳ	417.343.848
Số giảm trong kỳ	-
Số dư cuối kỳ	2.043.426.638
Giá trị còn lại	
Tại ngày đầu năm	2.547.355.710
Tại ngày cuối kỳ	2.130.011.862

8. Chi phí trả trước dài hạn

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Giá trị còn lại của công cụ dụng cụ	84.286.018	90.566.782
Chi phí khác chờ phân bổ	52.220.911	82.472.900
Cộng	136.506.929	173.039.682

9. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung hàng năm	1.466.529.301	1.243.350.768
Tiền lãi phân bổ hàng năm	-	118.259.321
Cộng	1.586.529.301	1.481.610.089

10. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	612.906	6.237.823
Thuế thu nhập cá nhân	135.437.983	816.998.437
Cộng	136.050.889	823.236.260

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

11. Các khoản phải thu

Chỉ tiêu	Số đầu kỳ(01/01/2012)			Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ (30/06/2012)			Số dự phòng đã lập
	Tổng số	Số quá hạn	Số khó đòi	Tăng	Giảm	Tổng số	Số quá hạn	Số khó đòi	
<i>A</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7</i>	<i>8</i>	<i>9</i>
1. Phải thu khách hàng	935.426.763	-	-	6.779.649.669	7.500.977.200	214.099.232	-	-	-
2. Phải thu hoạt động giao dịch ck	37.230.666.882	4.254.831.441	2.127.415.721	2.948.424.918.721	2.948.446.567.196	37.209.018.407	6.288.908.143	4.326.278.524	4.326.278.524
3. Phải thu khác	33.992.311.853	-	-	126.363.746.272	160.324.398.043	31.660.082	-	-	-
Cộng	72.158.405.498	4.254.831.441	2.127.415.721	3.081.568.314.662	3.116.271.942.439	37.454.777.721	6.288.908.143	4.326.278.524	4.326.278.524

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

12. Chi phí phải trả

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Chi phí bảo trì phần mềm	154.560.000	154.560.000
Chi phí thuê văn phòng	125.961.000	-
Chi phí phải trả khác	63.000.000	72.300.000
Cộng	343.521.000	226.860.000

13. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	42.077.189	17.273.570
Bảo hiểm xã hội	38.170.689	6.840.087
Cổ tức phải trả	72.333.125	72.333.125
Nhận ký quỹ mua chứng khoán vào ngày T của nhà đầu tư	5.502.028.000	5.340.438.000
Ngân hàng Công thương Việt Nam tiền nợ ứng trước tiền bán của nhà đầu tư	1.273.086.806	1.964.403.166
Phải trả ngân hàng liên quan đến nhà đầu tư cầm cố chứng khoán tại Ngân hàng Liên Việt	2.768.830.600	33.800.000.000
Phải trả EVN phí chuyển nhượng	85.250.119	85.250.119
Các khoản phải trả, phải nộp khác	810.549.422	14.369.923
Cộng	10.592.325.950	41.300.907.990

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

14. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Số dư đầu năm	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số dư cuối kỳ
A	1	2	3	4
I - Vốn chủ sở hữu				
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	53.000.000.000	-	-	53.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần		-	-	
3. Cổ phiếu quỹ		-	-	
4. Quỹ đầu tư phát triển		-	-	
5. Quỹ dự phòng tài chính		-	-	
6. LN sau thuế chưa phân phối	(4.816.540.133)	-	3.468.917.815	(8.285.457.948)
Tổng cộng	48.183.459.867	-	3.468.917.815	44.714.542.052

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/06/2012 VND	%	01/01/2012 VND	%
Công ty Cổ phần Thanh Niên	150.000.000	0,28	150.000.000	0,28
Bà Huỳnh Thị Bích Ngân	5.290.000.000	9,98	5.290.000.000	9,98
Ông Huỳnh Anh Tuấn	2.764.400.000	5,22	2.764.400.000	5,22
Bà Nguyễn Thị Hồng Trang	2.644.700.000	4,99	2.644.700.000	4,99
Các cổ đông khác	42.150.900.000	79,53	42.150.900.000	79,53
Cộng	53.000.000.000	100	53.000.000.000	100

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Chi phí hoạt động kinh doanh

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND
Chi phí hoạt động môi giới chứng khoán	693.448.211	560.199.575
Chi phí thuê văn phòng	991.050.795	1.023.757.550
Chi phí khác	465.514.175	589.012.390
Cộng	2.150.013.181	2.172.969.515

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

2. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
	VND	VND
Chi phí nhân viên	2.791.506.296	2.858.950.020
Chi phí công cụ dụng cụ, văn phòng phẩm	26.766.160	76.405.418
Chi phí khấu hao	893.879.730	1.847.954.260
Thuế, phí lệ phí	3.000.000	3.000.000
Chi phí dự phòng	2.198.862.803	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	35.317.956	121.923.650
Chi phí bằng tiền khác	253.456.629	914.315.556
Cộng	6.202.789.574	5.822.548.904

3. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được xác định với thuế suất là 25% trên thu nhập chịu thuế.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Trong năm kết quả hoạt động kinh doanh bị lỗ nên không phát sinh thuế thu nhập doanh nghiệp

4. Lãi/Lỗ cơ bản trên cổ phiếu

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(3.468.917.815)	(1.756.674.410)
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm	-	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(3.468.917.815)	(1.756.674.410)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	5.300.000	5.300.000
Lãi/ (lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	(655)	(331)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin về bộ phận

Thông tin về kết quả kinh doanh của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty cụ thể như sau:

Kỳ này	Hoạt động môi giới	Hoạt động tư vấn	Hoạt động khác	Cộng
- Doanh thu thuần	3.064.514.148	1.113.445.199	221.886.759	4.399.846.106
- Chi phí trực tiếp	1.577.024.874	572.988.307	-	2.150.013.181
- Các chi phí phân bổ	4.549.717.895	1.653.071.679	-	6.202.789.574
- Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(3.062.228.621)	(1.112.614.787)	221.886.759	(3.952.956.649)
- Thu nhập khác			640.385.270	640.385.270
- Chi phí khác			156.346.436	156.346.436
- Lợi nhuận trước thuế	(3.062.228.621)	(1.112.614.787)	705.925.593	(3.468.917.815)
- Chi phí thuế TNDN				-
Lợi nhuận sau thuế	(3.062.228.621)	(1.112.614.787)	705.925.593	(3.468.917.815)

Ghi chú: Công ty chưa thực hiện theo dõi các thông tin về tài sản cố định, các tài sản dài hạn khác, công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

2. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính	Giá trị sổ sách	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền	8.921.770.051	5.838.964.894
Phải thu khách hàng	214.099.232	935.426.763
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	1.000.000.000	1.000.000.000
Phải thu hoạt động - giao dịch chứng khoán	32.882.739.883	35.103.251.161
Phải thu khác	31.660.082	33.992.311.853
Tổng cộng	43.050.269.248	76.869.954.671

Nợ tài chính	Giá trị sổ sách	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả người bán	73.877.576	72.348.576
Chi phí phải trả	343.521.000	226.860.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	10.439.744.947	41.204.461.208
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	101.260.993	51.681.655
Tổng cộng	10.958.404.516	41.555.351.439

Ghi chú: Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do các quy định của chế độ kế toán Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

3. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt(AASCN) kiểm toán và báo cáo tài chính từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 của Công ty.

Người lập biểu



Phạm Thị Hiền

Tp.HCM, ngày 30 tháng 08 năm 2012

Kế toán trưởng



Trần Khánh Dư

Tổng Giám đốc



Huỳnh Anh Tuấn